

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HSST

Ngày: 16/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HUNG YÊN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Miện.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quyết Thắng

Bà Lê Thị Ngà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tân Hợp - Thẩm tra viên TAND huyện V, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện VKSND huyện V tham gia phiên tòa: bà Lý Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2022/TLST - HS ngày 17 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HS ngày 02/3/2022 đối với

*** Bị cáo:** Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1969 tại huyện V, tỉnh Hưng Yên; Đăng ký HKTT: Thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Trọng Nh, sinh năm: 1936(đã chết) và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1938 (đã chết); Có vợ: Hoàng Thị D, sinh năm 1973 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/5/2021 đến ngày 28/5/2021 chuyển tạm giam. Ngày 30/6/2021 được áp dụng biện pháp Bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Văn U, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Anh O, sinh năm 1995.

Địa chỉ: thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

2. Anh Phạm Đình L, sinh năm 1993.

HKTT: Phô V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hưng Yên. (đang chấp hành án tại trại giam)

3. Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

4. Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Z, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

5. Ông Trịnh Ngọc E, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 6, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

6. Ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

7. Ông Đặng Huy T2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 5, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

8. Anh Đàm Văn T3, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn 4, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

9. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1971.

HKTT: Thôn 9, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (đang chấp hành án tại trại giam)

10. Ông Đàm Văn T4, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn Z, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

11. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1974.

HKTT: Thôn 5, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (đang chấp hành án tại trại giam)

12. Anh Lê D T2, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 5, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

13. Anh Đàm Văn Y, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 4, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

14. Anh Phan Duy H1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 5, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

15. Anh Nguyễn Văn L1; Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn Z, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

16. Ông Lê Văn L2; Sinh năm: 1974

Địa chỉ: Thôn 8, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên

Tại phiên tòa:

Có mặt: bị cáo T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh O và những người làm chứng: anh Tr, ông E, ông Đặng Huy T2, anh Lê D T2, anh Y, anh H1

Vắng mặt: Những người làm chứng là anh Nguyễn Anh O, anh L, anh D, ông T1, anh T3, ông Đ1, anh Đàm Văn T4, ông T5, anh L1, ông L2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 3 năm 2021, Nguyễn Anh O sinh năm 1995, HKTT: thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên, thuê căn nhà cấp 4 của anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1990 tại thôn Z, xã X, huyện V để ở nhưng mục đích của U là sử dụng làm địa điểm tổ chức đánh bạc để thu tiền hồ của các đối tượng tham gia đánh bạc. Đến cuối tháng 4 năm 2021, U rủ Phạm Đình L sinh năm 1993, HKTT: phố Văn Giang, thị trấn Văn Giang, huyện V cùng tham gia tổ chức đánh bạc. U giao cho L quản lý sới bạc tại nhà anh L1, hàng ngày L đến sới bạc chuẩn bị chè, nước, trái chiều, nếu không có người chơi thì rủ một số người quen đến đánh bạc; L còn chia bài cho các đối tượng tham gia đánh bạc và quản lý tiền hồ do các đối tượng đánh bạc trích ra từ các ván bài rồi giao lại cho U. U mua một số bộ bài chắn, U lơ khơ để tại nhà anh L1, khi có người đến đánh bạc thì L lấy bài, đĩa sứ (có sẵn tại nhà anh L1) ra cho những người đánh bạc để chơi. Sới bạc được tổ chức từ đầu tháng 5/2021, mỗi ngày có từ 01 đến 02 chiều bạc, mỗi chiều có 4 người chơi, hình thức chơi đánh chắn hoặc đánh lóc. Từ ngày 13/5/2021, U thuê thêm Nguyễn Văn T, sinh năm 1969, HKTT: thôn C, xã L, huyện V đến nhà anh L1 làm nhiệm vụ chia bài cho các đối tượng tham gia đánh bạc trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 17 giờ hàng ngày và giúp L dọn dẹp nhà sau khi kết thúc đánh bạc. Khi thuê, U hứa trả công cho T 400.000đ/1 ngày. Đến khoảng 13 giờ 15 ngày 19/5/2021, T đến sới bạc của U để chia bài như những ngày trước đó. Khi T đến, L gọi điện, nhắn tin rủ Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1994 ở thôn P, xã L, huyện V; Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1971 ở thôn 9, xã X và Nguyễn Văn T5, sinh năm 1974 ở thôn 5, xã X đến nhà anh L1 đánh bạc. Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 30 phút đến 15 giờ cùng ngày, lần lượt có Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến D, sinh năm 1981 ở thôn Z, xã X; Trịnh Ngọc E, sinh năm 1975 ở thôn 6, xã X; Đỗ Văn T1, sinh năm 1965 ở thôn N, xã L đến nhà anh L1 để đánh bạc. Tr rủ T1, D, E chơi đánh lóc được thua bằng tiền thì tất cả đều đồng ý và cùng ngồi xuống chiếc chiếu trải ở góc nhà, tiếp giáp với bàn thờ để đánh bạc (**gọi tắt là chiều bạc số 1**). T lấy 2 bộ bài U lơ khơ (mỗi bộ 52 quân, có số từ 2 đến 10 và chữ J,Q,K,A) đưa cho Tr để Tr, D, E, T1 dùng 02 bộ U lơ khơ chia luân phiên để đánh bạc và thống nhất với nhau cách thức chơi như sau: Ván bài đầu tiên, một trong 4 người sẽ chia cho mỗi người 10 quân bài, ai có cái thì được đánh trước, có thể đánh quân bài lẻ, đánh đôi hoặc 3 quân (*tức là*

2 hoặc 3 quân bài cùng hàng), đánh dây (tức là các quân bài có số thứ tự liên kế với nhau), sau đó thì người kế tiếp bên phải sẽ đánh ra những quân bài lẻ, đôi, 3 quân hoặc dây to hơn để chặn và cứ như vậy lần lượt đến người cuối cùng; nếu ai chặn được quân bài của người đánh trước thì sẽ được chủ động đánh tiếp như nêu ở trên, nếu ai đánh hết 10 quân bài trước là thắng, những người còn lại sẽ thua và phải trả tiền cho người thắng tương ứng với mỗi quân bài còn lại là 10.000đ. Nếu ai thấy bài của mình to hoặc tròn bài thì xin “lóc”, những người còn lại nếu không có bài to hơn để chặn được người xin “lóc” thì mỗi người phải trả cho người thắng “lóc” là 200.000đ; người thắng “lóc” phải trích ra 50.000đ (gọi là tiền hồ) để vào hộp nhựa bên cạnh chiếu bạc. Nếu ai xin “lóc” mà bị chặn thì phải trả cho ba người còn lại mỗi người 200.000đ, ba người này mỗi người bỏ vào hộp nhựa 20.000đ. Sau mỗi ván bài như trên, thì người thắng sẽ chia bài và được đánh trước. Khi tham gia đánh bạc, Tr có 900.000đ để trên chiếu để đánh bạc; D có 4.673.000đ để trong người, sử dụng hết vào việc đánh bạc; E có 17.215.000đ, bỏ ra 6.300.000đ để trên chiếu đánh bạc, còn lại 10.935.000đ cất trong người không sử dụng vào việc đánh bạc; T1 có 9.021.000đ, bỏ ra 1.000.000đ để trên chiếu đánh bạc, còn lại 8.021.000đ cất trong người không sử dụng vào việc đánh bạc.

Trong khi chiếu bạc số 1 đang sát phạt nhau thì lần lượt có Nguyễn Văn T5; Đặng Huy T2 sinh năm 1975 ở thôn 5, xã X; Đàm Văn T3, sinh năm 1985 ở thôn 4, xã X; Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1971 ở thôn 9, xã X; Đàm Văn T4, sinh năm 1966 ở thôn Z, xã X cũng đến nhà anh L1 để đánh bạc. Đ1, T2, T3 và Đàm Văn T4 rủ nhau ngồi xuống chiếc chiếu trải ở giữa nhà để đánh bạc bằng hình thức đánh chắn (***gọi tắt là chiếu bạc số 2***) còn T5 ngồi xem. Nguyễn Văn T mang ra 03 bộ bài chắn (mỗi bộ 100 quân), 03 đĩa sứ rồi ngồi chia bài cho chiếu bạc số 2. T sử dụng cả 3 bộ bài chia luân phiên, mỗi ván chia 1 bộ làm 4 phần, mỗi phần 19 quân, số quân bài còn lại là bài lọc để trên đĩa sứ đặt ở giữa chiếu bạc. Người nào có cái được lấy thêm 01 quân bài lọc và được đánh trước; sau đó lần lượt đến những người tiếp theo bên phải của người có cái được đánh, người đánh sau có thể ăn quân bài của người vừa đánh để tạo T chắn hoặc cạ, nếu không ăn được thì bốc lên 01 quân bài lọc rồi đánh đi một quân bài tùy ý, cứ như vậy, mọi người đánh bài cho đến khi có người ù (thì là thắng). Chiếu bạc số 2 thống nhất chơi “xuông 2 dịch 1”, tức là ai ù xuống (không có cước sắc) thì mỗi người còn lại phải trả cho người ù 20.000đ, nếu ù to hơn thì tính tiền thắng - thua theo cước sắc, mỗi cước sắc (gọi là dịch) tăng thêm 10.000đ. Nếu ù to như bạch định, tám đỏ... thì trích ra 20.000đ (gọi là tiền hồ) bỏ vào chiếc hộp kim loại hình tròn để bên cạnh chiếu bạc. Khi tham gia đánh bạc, T2 có 5.230.000đ sử dụng hết vào việc đánh bạc, đã lấy ra để trên chiếu 4.640.000đ, còn lại cất trên người; T3 có 10.000.000đ sử dụng hết vào việc đánh bạc, đã lấy ra để trên chiếu 1.000.000đ, còn lại cất trên người; Đ1 có 4.500.000đ sử dụng hết vào việc

đánh bạc, đã lấy ra để trên chiếu 890.000đ, còn lại cất trên người; Đàm Văn T4 có 1.120.000đ để đánh bạc nhưng vẫn cất trên người.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, L liên hệ rủ Lê D T2, sinh năm 1992 ở thôn 5, xã X đến nhà anh L1 đánh bạc. Trong khoảng thời gian từ 15 giờ 20 đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, lần lượt có Lê D T2; Đàm Văn Y, sinh năm 1990 ở thôn 4, xã X; Phan Duy H1, sinh năm 1980 ở thôn 5, xã X đến nhà anh L1. Khi Hung đến thì T5, T2, Y, Hung rủ nhau ngồi xuống chiếc chiếu còn lại để đánh bạc bằng hình thức đánh chắn (***gọi tắt là chiếu bạc số 3***). L lấy 02 bộ bài chắn (mỗi bộ 100 quân), 2 đĩa sứ mang ra chiếu bạc rồi sử dụng cả 2 bộ bài luân phiên chia cho nhóm này đánh bạc. Cách thức chơi đánh chắn và tính tiền thắng thua và mức tiền hồ trích ra cũng giống như chiếu bạc số 2. Riêng tiền hồ thì được bỏ vào chiếc hộp nhựa bên cạnh chiếu bạc. Khi tham gia đánh bạc, T5 có 2.500.000đ để trên chiếu để đánh bạc; T2 có 14.494.000đ để trên chiếu để đánh bạc; Y có 4.000.000đ sử dụng hết vào việc đánh bạc, đã lấy ra 1.000.000đ để trên chiếu, còn lại cất trên người; Hung có 4.000.000đ sử dụng hết để đánh bạc, đã lấy ra 2.400.000đ để trên chiếu, còn lại cất trên người.

Khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày, có anh Lê Văn L2, sinh năm 1974 ở thôn 8, xã X đến nhà anh L1 xem các đối tượng đánh bạc và khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, lực lượng Cảnh sát điều tra công an huyện V phát hiện, bắt quả tang tại nhà anh L1 có 3 chiếu bạc nêu trên đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền. Thu giữ tại chiếu bạc số 1 tổng số tiền 31.809.000đ, trong đó có 12.873.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, 18.936.000đ không sử dụng vào việc đánh bạc. Thu tại chiếu bạc số 2 tổng số tiền 21.323.000đ trong đó có 20.850.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, 473.000đ không sử dụng vào việc đánh bạc. Thu tại chiếu bạc số 3 tổng số tiền 31.284.000đ, trong đó có 24.994.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, 6.290.000đ không sử dụng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền thu giữ của cả 03 chiếu bạc là 84.416.000đ, trong đó có 58.717.000đ sử dụng vào việc đánh bạc và 25.699.000đ không sử dụng vào việc đánh bạc. Ngoài ra còn thu giữ các vật chứng khác có liên quan là bộ bài, đĩa sứ, chiếu, hộp đựng tiền hồ các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc. Ngoài ra còn thu giữ tại sân nhà anh L1 08 xe mô tô các loại, trong đó có xe mô tô mang biển số 29S7 - 5024 của Nguyễn Văn T.

Quá trình điều tra, gia đình bị cáo Nguyễn Văn T giao nộp tài liệu thể hiện việc T đã từng đi khám, uống thuốc điều trị bệnh trầm cảm, CQCSĐT đã trưng cầu giám định tâm thần đối với bị cáo T. Ngày 15/8/2021, CQCSĐT Công an huyện V đã kết thúc điều tra vụ án, đề nghị truy tố đối với Nguyễn Anh O, Phạm Đình L về tội tổ chức đánh bạc; Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến D, Trịnh Ngọc E, Đỗ Văn T1, Đặng Huy T2, Đàm Văn T3, Nguyễn Văn Đ1, Đàm Văn T4, Nguyễn Văn T5, Lê D T2, Đàm Văn Y, Phan Duy H1 về tội Đánh bạc và tách vụ án Tổ chức đánh bạc đối với Nguyễn Văn T để tiếp tục điều tra làm rõ

khả năng nhận thức điều khiển hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội.

Ngày 14/10/2021, Tòa án nhân dân huyện V đã xét xử sơ thẩm vụ án Tổ chức đánh bạc đối với Nguyễn Anh O, Phạm Đình L; xét xử đối với Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến D, Trịnh Ngọc E, Đỗ Văn T1, Đặng Huy T2, Đàm Văn T3, Nguyễn Văn Đ1, Đàm Văn T4, Nguyễn Văn T5, Lê D T2, Đàm Văn Y, Phan Duy H1 về tội Đánh bạc; xử lý vật chứng và các đồ vật, tài sản liên quan đã thu giữ. Riêng đối với chiếc xe mô tô biển số 29S7 - 5024 và chiếc điện thoại di động Iphone màu trắng của Nguyễn Văn T vẫn đang được quản lý tại kho vật chứng của Công an huyện V.

Quá trình điều tra xác định: chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh, biển số 29S7-5024, số khung: RLHHC08082AY272153, số máy: HC08E-0272192 và đăng ký mô tô, xe máy số 0201210 do Phòng CSGT Công an TP Hà Nội cấp cho Ngô Văn Nguyên. Anh Nguyên khai đã mua xe từ năm 2002, đã bán cho người khác nhưng không nhớ bán cho ai, anh đề nghị trả lại xe cho chủ sở hữu hiện tại. Anh Nguyễn Văn U khẳng định đã mua chiếc xe trên từ năm 2014 với giá 8.500.000đ. Kết quả tra cứu vật chứng thể hiện chiếc xe trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Ngày 15/11/2021, Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Văn T không có bệnh tâm thần. Bị cáo đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Tại thời điểm giám định, bị cáo Nguyễn Văn T có phản ứng hỗn hợp lo âu và trầm cảm, bệnh ở giai đoạn ổn định. Theo phân loại bệnh lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã F43.22. Bị cáo đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T đã T khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 05/QĐ-VKS-VG ngày 04/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo T khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu, không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương và trả lại bị cáo chiếc điện thoại di động Iphone, màu trắng, trả lại anh Nguyễn Văn U chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh, biển số 29S7-5024.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn U khẳng định không biết bị cáo T dùng xe của anh để đi thực hiện việc tổ chức đánh bạc và đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh, biển số 29S7-5024 cho anh.

- Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”

Áp dụng:

- Điểm a, c khoản 1 điều 322; điều 17; điều 58; điểm s, x khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1, 2, 5 điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng. Giao bị cáo T cho UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại anh Nguyễn Văn U 01 chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh, biển số 29S7-5024 và đăng ký mô tô, xe máy số 0201210 do Phòng CSGT Công an TP Hà Nội cấp cho Ngô Văn Nguyên; trả lại bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động Iphone, màu trắng (kèm theo sim).

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

- Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt họ. Xét thấy những người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, nên HĐXX căn cứ khoản 1 điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng từ 15 giờ 00 phút đến 16 giờ 30

phút, ngày 19/5/2021, tại nhà anh Nguyễn Văn L1 ở thôn Z, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên, Nguyễn Anh O cùng Phạm Đình L và Nguyễn Văn T đã tổ chức cho 12 người đánh bạc trên 3 chiếu sát phạt nhau bằng tiền. Chiếu bạc số 1 gồm có 4 người đánh bạc dưới hình thức đánh lốc, tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 12.873.000đ. Chiếu bạc số 2 cũng có 4 người đánh bạc dưới hình thức đánh chắn do Nguyễn Văn T chia bài, tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 20.850.000đ. Chiếu bạc số 3 cũng có 4 người đánh bạc dưới hình thức đánh chắn do Phạm Đình L chia bài, tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 24.994.000đ. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của 3 chiếu là 58.717.000đ. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra công an huyện V bắt quả tang.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi mà vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu T tội tổ chức đánh bạc theo điểm a, c khoản 1 điều 322 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Nguyễn Văn T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, an T1 xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế của bản thân và gia đình, là nguyên nhân gây ra mâu thuẫn gia đình và phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, bị cáo và Nguyễn Anh O, Phạm Đình L đều là người thực hành, không có sự câu kết chặt chẽ với nhau khi thực hiện tội phạm. Bị cáo đứng vai trò thứ 3 trong vụ án sau Nguyễn Anh O, Phạm Đình L, vì: U là người thuê nhà, chuẩn bị sẵn các công cụ để tổ chức đánh bạc và liên hệ với L để cùng tổ chức đánh bạc, trực tiếp thuê bị cáo đến để chia bài cho các con bạc chơi, thu T1 bộ số tiền hồ mà các con bạc bỏ ra; Phạm Đình L đã thống nhất với U về việc tổ chức đánh bạc, trực tiếp liên hệ gọi người đến đánh bạc khi thiếu người chơi; Bị cáo thực hiện việc chia bài thuê theo thỏa thuận với U, chưa nhận được tiền công lần nào, không tham gia chuẩn bị công cụ phạm tội, không gọi người đến đánh bạc, không thu tiền hồ.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bố đẻ bị cáo là Nguyễn Trọng Nh là Liệt sỹ, bà nội bị cáo là Nguyễn Thị N được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, x khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở T công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Anh Nguyễn Văn U không biết bị cáo T dùng xe của anh để đi thực hiện việc tổ chức đánh bạc nên không có căn cứ xử lý đối với anh O.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định 01 chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh, biển số 29S7-5024 là xe của anh Nguyễn Văn U, anh O không biết bị cáo dùng xe đi thực hiện việc tổ chức đánh bạc nên trả lại anh O chiếc xe này.

- 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu trắng không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại bị cáo.

- Đối với số tiền 473.000đ bị cáo bị thu giữ, tại bản án số 29/2021/HS-ST ngày 14/10/2021, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên đã quyết định trả lại bị cáo, bản án đã có hiệu lực pháp luật, bị cáo đã được nhận lại số tiền trên, nay HĐXX không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

- Điểm a, c khoản 1 điều 322; Điều 17; điểm s, x khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 58; Khoản 1, 2, 5 điều 65 Bộ luật hình sự.

- Điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

3. Mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

5. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Trả lại anh Nguyễn Văn U 01 chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh, biển số 29S7-5024, số khung: RLHHC08082AY272153, số máy: HC08E-0272192 và đăng ký mô tô, xe máy số 0201210 do Phòng CSGT Công an TP Hà Nội cấp cho Ngô Văn Nguyên

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động Iphone, màu trắng, trong máy không có số IMEI, vỏ máy có số IMEI là 358812053820631 (kèm theo sim).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/3/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Đăng ký xe mô tô mang tên Ngô Văn Nguyên hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án)

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn U có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CA huyện V;
- VKS huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MIỆN